

CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

TECHCOMCAPITAL

Số: 011408/24/CV-TCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3944 6368  
Fax: (024) 3944 6583  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phí Tuấn Thành  
Địa chỉ: Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 3944 6368  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (chi tiết báo cáo đính kèm).

Lợi nhuận sau thuế của Công ty kỳ bán niên kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã kiểm toán giảm hơn 40 tỷ đồng (tương đương giảm hơn 66%) so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động giảm so với cùng kỳ năm 2023 và ảnh hưởng của việc trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định của mảng giao dịch tự doanh dẫn tới Chi phí tài chính ở các thời điểm có những biến động nhất định.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <http://techcomcapital.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Công ty

Người được ủy quyền công bố thông tin



Phí Tuấn Thành

# **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 31

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 114/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102995749 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 08 tháng 12 năm 2022.

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính trong kỳ đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 28, Tòa C5, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023
Ông Phí Tuấn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2024
Bà Đinh Thị Thu Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2024

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Bổ nhiệm</i>
Ông Phí Tuấn Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 03 năm 2023
Bà Bùi Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hợp tác đối tác	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2022

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty, trong đó có báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 theo giấy ủy quyền 020703/23/UQ-CTHĐQT-TCC ngày 7 tháng 3 năm 2023.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Số tham chiếu: 11850497/67874204-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Chủ sở hữu  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“Công ty”), được lập ngày 13 tháng 08 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>945.290.283.789</b>	<b>926.243.795.241</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>191.281.611.175</b>	<b>7.614.803.991</b>
111	1. Tiền		191.281.611.175	7.614.803.991
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>729.191.160.354</b>	<b>897.013.065.653</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	742.118.797.642	897.013.065.653
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(12.927.637.288)	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.674.712.260</b>	<b>21.564.356.980</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	15.000.000
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	7.426.780
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	10.377.468.040	3.762.213.833
135	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	14.297.244.220	17.779.716.367
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>157.800.000</b>	<b>51.568.617</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		157.800.000	51.568.617
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>99.268.604</b>	<b>148.676.868</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>15.000.000</b>	<b>-</b>
	1. Phải thu ngắn hạn khác		15.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>9</b>	<b>21.100.757</b>	<b>30.143.939</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		21.100.757	30.143.939
222	Nguyên giá		36.172.727	36.172.727
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.071.970)	(6.028.788)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		140.000.000	140.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(140.000.000)	(140.000.000)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>63.167.847</b>	<b>118.532.929</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		63.167.847	118.532.929
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>945.389.552.393</b>	<b>926.392.472.109</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.575.078.661</b>	<b>17.989.129.212</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.575.078.661</b>	<b>17.989.129.212</b>
312	1. Phải trả người bán	10	3.313.724.167	1.772.080.760
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.452.152.446	4.214.670.089
315	3. Phải trả người lao động	12	10.536.881.924	11.638.624.394
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	226.041.273	248.615.318
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		46.278.851	115.138.650
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>14</b>	<b>928.814.473.732</b>	<b>908.403.342.897</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		669.662.910.000	669.662.910.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.1	259.151.563.732	238.740.432.897
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>945.389.552.393</b>	<b>926.392.472.109</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: nghìn VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
005	1. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (USD)		-	-
006	2. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	6	768.499.000.000	923.779.000.000
007	2.1 Chứng khoán giao dịch		768.499.000.000	923.779.000.000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	15	18.165.841.524	14.519.968.918
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư Ủy thác trong nước		18.165.841.524	14.519.968.918
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	16	141.181.782.381	103.382.557.193
041	4.1 Nhà đầu tư Ủy thác trong nước		141.181.782.381	103.382.557.193
050	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư Ủy thác	17	7.667.840.118	2.186.572.079
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư Ủy thác	18	3.078.762.572	21.366.498

Người lập:



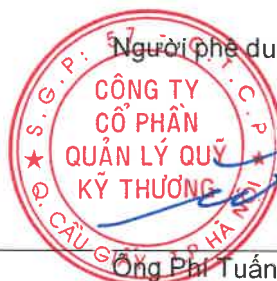
Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: nghìn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
01	1. Doanh thu	19	31.356.156.653	62.590.555.867
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)		31.356.156.653	62.590.555.867
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	12.912.414.715	36.973.268.418
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)		18.443.741.938	25.617.287.449
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	42.219.997.688	44.363.061.106
22	7. Chi phí tài chính	22	15.618.914.837	(22.580.340.750)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	18.545.719.135	16.895.903.886
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}		26.499.105.654	75.664.785.419
31	10. Thu nhập khác		-	3.981.833
32	11. Chi phí khác		6.940.283	100.363
40	12. Lợi nhuận khác (40=31-32)		(6.940.283)	3.881.470
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN (50=30+40)		26.492.165.371	75.668.666.889
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	6.081.034.536	15.164.833.452
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		20.411.130.835	60.503.833.437

Người lập:

Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: nghìn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		24.991.152.446	102.724.292.097
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(12.513.579.424)	(39.606.350.929)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(13.536.682.300)	(15.365.195.123)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.764.996.084)	(9.960.169.207)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.221.146.087	3.292.163.354
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.805.397.088)	(10.594.328.640)
20	<b>Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(14.408.356.363)</b>	<b>30.490.411.552</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(505.298.874.297)	(270.910.360.806)
24	2. Tiền thu từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác		655.838.561.015	105.456.167.147
27	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		47.535.476.829	-
30	<b>Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>198.075.163.547</b>	<b>(165.454.193.659)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>183.666.807.184</b>	<b>(134.963.782.107)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>5</b>	<b>7.614.803.991</b>	<b>151.284.467.960</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>191.281.611.175</b>	<b>16.320.685.853</b>

Người lập:

Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

B05-CTQ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		669.662.910.000	669.662.910.000	-	-	-	-	669.662.910.000	669.662.910.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	142.139.342.790	238.740.432.897	60.503.833.437	-	20.411.130.835	-	202.643.176.227	259.151.563.732
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>811.802.252.790</b>	<b>908.403.342.897</b>	<b>60.503.833.437</b>	<b>-</b>	<b>20.411.130.835</b>	<b>-</b>	<b>872.306.086.227</b>	<b>928.814.473.732</b>

Người lập:

*Lan*

Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người phê duyệt:

*Thu Hằng*

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 114/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102995749 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 08 tháng 12 năm 2022.

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính trong kỳ của Công ty là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đang quản lý bảy (07) quỹ, cụ thể là Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom, Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Techcom, Quỹ Đầu Tư Cân bằng Linh Hoạt Techcom, Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Ngân Hàng và Tài Chính Techcom, Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Bất Động Sản Techcom, Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ Techcom, Quỹ đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam.

**Vốn Điều lệ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 669.662.910.000 VND (31 tháng 12 năm 2023: 669.662.910.000 VND).

**Mạng lưới hoạt động**

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 28, Tòa C5, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

**Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 40 người, trong đó có 16 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 37 người, trong đó có 14 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>
1	Phí Tuấn Thành	000135/QLQ	Ngày 15 tháng 04 năm 2009
2	Phan Thị Thu Hằng	001165/QLQ	Ngày 30 tháng 10 năm 2014
3	Phan Linh Chi	000368/QLQ	Ngày 13 tháng 07 năm 2009
4	Đặng Hoàng Tùng	000811/QLQ	Ngày 12 tháng 08 năm 2011
5	Đồng Thị Khánh Ngọc	000794/QLQ	Ngày 14 tháng 11 năm 2011
6	Phạm Thị Thúy Nga	001804/QLQ	Ngày 05 tháng 07 năm 2019
7	Lê Giáp Hoàng Anh	001808/QLQ	Ngày 18 tháng 07 năm 2019
8	Vương Duy Anh	001958/QLQ	Ngày 18 tháng 11 năm 2020
9	Lê Thị Thu Hương	001701/QLQ	Ngày 28 tháng 08 năm 2018
10	Lê Quang Hưng	002068/QLQ	Ngày 02 tháng 03 năm 2023
11	Nguyễn Hữu Tài	002073/QLQ	Ngày 10 tháng 03 năm 2023
12	Lê Hồng Phương	001967/QLQ	Ngày 27 tháng 11 năm 2020
13	Lê Tấn Phát	001821/QLQ	Ngày 06 tháng 08 năm 2019
14	Vũ Thanh Hằng	002065/QLQ	Ngày 01 tháng 03 năm 2023
15	Phạm Sỹ Hải	000672/QLQ	Ngày 29 tháng 06 năm 2010
16	Nguyễn Thiện Toàn	002572/QLQ	Ngày 10 tháng 06 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, các báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

T.M. 2024  
 10/07/2024  
 10/07/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng**

Việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về tính chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư 24”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.4 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Trong các năm kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá trị tài sản ròng của đơn vị chứng chỉ quỹ theo báo cáo tài sản ròng của quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư 48 và Thông tư 24. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.6 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**4.7 Trợ cấp thôi việc phải trả**

*Trợ cấp thôi việc:* Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

*Trợ cấp mất việc làm:* Theo Điều 47 Bộ Luật Lao động 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu do thay đổi về công nghệ hoặc vì lý do kinh tế. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

*Trợ cấp thất nghiệp:* Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

**4.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.9 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý và tư vấn*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của các hợp đồng quản lý đầu tư và tư vấn.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**4.11 Thuê hoạt động**

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

**4.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.13 Công cụ tài chính**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh trong báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt như được trình bày sau đây.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính cho mục đích đặc biệt nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn	138.239.916.856	4.065.142.287
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán tại Công ty Chứng khoán	53.041.694.319	3.549.661.704
<b>Tổng cộng</b>	<b>191.281.611.175</b>	<b>7.614.803.991</b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7.684.990</b>	<b>742.118.797.642</b>	<b>9.237.790</b>	<b>897.013.065.653</b>
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Vinhomes (i)	2.604.990	238.861.715.502	2.604.990	238.861.715.502
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Masan MeatLife (ii)	1.730.000	172.179.113.999	1.390.000	138.733.457.979
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Vincom Retail (iii)	1.700.000	161.743.149.984	1.700.000	161.743.149.984
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (iv)	1.000.000	104.630.711.000	-	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (v)	600.000	59.657.134.142	-	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (vi)	50.000	5.046.973.015	-	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (vii)	-	-	1.915.000	192.131.313.456
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (viii)	-	-	1.407.800	143.504.775.585
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Thành Thành Công-Biên Hòa (ix)	-	-	220.000	22.038.653.147
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</b>	-	<b>(12.927.637.288)</b>	-	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Masan Meatlife	-	(12.927.637.288)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.684.990</b>	<b>729.191.160.354</b>	<b>9.237.790</b>	<b>897.013.065.653</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

- (i) Trái phiếu phát hành ngày 25 tháng 11 năm 2021 có kỳ hạn 5 năm; lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên: 9,2%/năm; và lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên được tính bằng tổng của 3,0%/năm và lãi suất tham chiếu. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan; lãi trả 3 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (ii) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 08 năm 2021 có kỳ hạn 5 năm; lãi suất cố định cho 12 tháng đầu tiên: 9,5%/năm; và lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi sau 12 tháng tính lãi đầu tiên được tính bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan; lãi trả 6 tháng/1 lần; gốc trả cuối kỳ.
- (iii) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 08 năm 2020 có kỳ hạn 5 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm; và lãi suất của mỗi kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên là tổng của 3,5%/năm và lãi suất tham chiếu. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan; lãi trả 3 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (iv) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 03 năm 2024, có kỳ hạn 3 năm; lãi suất của 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 15%/năm; và lãi suất mỗi kỳ lãi sau 2 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng tổng của 4,5%/năm và lãi suất tham chiếu. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan; trả lãi 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (v) Trái phiếu phát hành ngày 04 tháng 01 năm 2022, có kỳ hạn 3 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm; và lãi suất của mỗi kỳ lãi sau 4 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,28%/năm và trung bình cộng của lãi suất cơ sở trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc Khối Ngân hàng bán buôn áp dụng cho các khoản vay/trái phiếu trung dài hạn phát sinh từ ngày 30/03/2021 với kỳ định giá 3 tháng do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan; trả lãi 3 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (vi) Trái phiếu phát hành ngày 11 tháng 10 năm 2021, có kỳ hạn 3 năm; Lãi suất cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm; và lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại bằng tổng của 3,28%/năm và lãi suất cơ sở trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc khối Ngân hàng bán buôn áp dụng cho các khoản vay/trái phiếu trung dài hạn phát sinh từ 30/03/2021 với kỳ định giá 03 tháng, do Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

- (vii) Trái phiếu phát hành ngày 13 tháng 04 năm 2021, có kỳ hạn 3 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,2%/năm; và lãi suất mỗi kỳ lãi sau 4 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,22%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
- (viii) Trái phiếu phát hành ngày 11 tháng 01 năm 2021, có kỳ hạn 3 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm; và lãi suất của mỗi kỳ lãi sau 4 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó. Trong đó, lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
- (ix) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 01 năm 2021, có kỳ hạn 3 năm; lãi suất của 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,0%/năm; và lãi suất của mỗi kỳ lãi sau 4 kỳ đầu tiên là được tính bằng tổng của 3,875%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó.

**7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	10.262.003.621	3.698.326.858
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	115.464.419	63.886.975
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.377.468.040</b>	<b>3.762.213.833</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu lãi dự thu trái phiếu đầu tư	13.836.679.702	17.739.105.099
Phải thu khác	445.564.518	40.611.268
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.282.244.220</b>	<b>17.779.716.367</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH, VÔ HÌNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm	Máy tính
<b>Nguyên giá</b>		
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	140.000.000	36.172.727
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	140.000.000	36.172.727
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	140.000.000	6.028.788
Khấu hao trong kì	-	9.043.182
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	140.000.000	15.071.970
<b>Giá trị còn lại</b>		
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	-	30.143.939
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	-	21.100.757

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương		
- Phải trả phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ	3.313.724.167	1.772.080.760

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Thuế giá trị gia tăng	-	43.200.000	(43.200.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuyết minh 24)	3.484.483.375	6.081.034.536	(7.764.996.084)	1.800.521.827
Thuế thu nhập cá nhân	730.186.714	5.087.813.778	(5.168.424.968)	649.575.524
Các loại thuế khác	-	5.572.342	(3.517.247)	2.055.095
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.214.670.089</b>	<b>11.175.808.712</b>	<b>(12.936.938.299)</b>	<b>2.452.152.446</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả công nhân viên	1.704.814.900	1.176.059.797
Phải trả lương tháng 13 và thưởng hoàn thành công việc	8.832.067.024	10.462.564.597
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.536.881.924</b>	<b>11.638.624.394</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Kinh phí công đoàn	45.430.770	39.289.050
BHXH, BHYT và Bảo hiểm thất nghiệp	518.081	619.600
Khác	330.000	75.230.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.278.851</b>	<b>115.138.650</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 Lợi nhuận chưa phân phối**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	238.740.432.897	142.139.342.790
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	20.411.130.835	96.601.090.107
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.151.563.732</b>	<b>238.740.432.897</b>

**14.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</b>	<b>669.662.910.000</b>	<b>238.740.432.897</b>	<b>908.403.342.897</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	20.411.130.835	20.411.130.835
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</b>	<b>669.662.910.000</b>	<b>259.151.563.732</b>	<b>928.814.473.732</b>

**15. TIỀN GỬI NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư 1</b>		
Số dư đầu năm	3.471.383.994	5.694.008.009
Số tăng trong kỳ/năm	96.476.406.158	107.619.725.118
Số giảm trong kỳ/năm	91.400.406.824	109.842.349.133
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.547.383.328</b>	<b>3.471.383.994</b>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư 2</b>		
Số dư đầu năm	11.048.583.924	-
Số tăng trong kỳ/năm	101.646.371.710	25.001.780.822
Số giảm trong kỳ/năm	104.753.391.597	13.953.196.898
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.941.564.037</b>	<b>11.048.583.924</b>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư 3</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ/năm	27.127.957.002	-
Số giảm trong kỳ/năm	25.451.063.843	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.676.893.159</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</b>	<b>38.980.000.000</b>	<b>41.140.000.000</b>
<b>- Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>84.561.817.568</b>	<b>43.912.949.686</b>
<i>Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá</i>		
- BVH	1.577.286.105	-
- DXG	3.916.842	1.868.200.512
- GAS	39.686.758	1.738.280.003
- HCM	1.721.488.157	-
- HDB	3.251.757.394	-
- HHV	214.879.150	-
- KBC	22.714.020	678.175.740
- MSN	16.197.064.354	-
- NLG	1.594.790.720	-
- PVD	1.719.255.019	-
- VCB	2.576.193.055	-
- VJC	55.733.475	55.733.475
- VND	36.596.638	-
- VNM	1.681.199.905	1.779.830.748
- VPB	6.321.481.499	-
- VRE	16.229.612	981.891.545
- MWG	1.351.575.065	23.203.773
- TCB	25.430.870.326	-
- REE	-	25.083.922
- VHM	-	1.018.295.753
<b>- Trái phiếu niêm yết</b>	<b>17.639.964.813</b>	<b>18.329.607.507</b>
<i>Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá</i>		
- VIC124005	4.090.330.441	-
- TD1737427	2.760.518.120	-
- VND122014	-	5.777.589.539
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.181.782.381</b>	<b>103.382.557.193</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền giao dịch bán chứng khoán chưa về tài khoản	5.895.931.008	-
Cổ tức chưa về tài khoản	27.908.000	12.500.000
Lãi phải thu hợp đồng tiền gửi, cổ tức, trái tức	1.744.001.110	2.174.072.079
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.667.840.118</b>	<b>2.186.572.079</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Mua chứng khoán chờ thanh toán	2.961.329.731	-
Lãi phải thu hợp đồng tiền gửi, cổ tức, trái tức	117.431.841	21.366.498
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.078.761.572</b>	<b>21.366.498</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	30.807.469.912	62.426.797.353
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	548.686.741	163.758.514
<b>Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>31.356.156.653</b>	<b>62.590.555.867</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	12.912.414.715	36.973.268.418

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Thu lãi tiền gửi	303.321.480	745.007.587
Lãi thu từ trái phiếu	41.916.676.208	43.618.053.519
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.219.997.688</b>	<b>44.363.061.106</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Lỗ bán các khoản đầu tư chứng khoán	2.691.277.549	-
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12.927.637.288	(22.580.340.750)
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.618.914.837</b>	<b>(22.580.340.750)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	17.152.751.780	15.424.664.172
Chi phí vật liệu, dụng cụ	51.692.429	64.384.459
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.043.182	-
Thuế, phí và lệ phí	124.516.299	121.348.349
Chi phí thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	26.461.066	106.514.313
Chi phí tư vấn, kiểm toán	70.620.000	64.200.000
Chi phí thuê xe	529.717.506	497.490.796
Chi phí tiếp khách	23.477.435	64.153.600
Chi phí khác	557.439.438	553.148.197
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.545.719.135</b>	<b>16.895.903.886</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.492.165.371</b>	<b>75.668.666.889</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>6.940.283</b>	<b>(866.522.634)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	6.940.283	-
- Chi phí không được trừ thuế	6.940.283	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	<b>(866.522.634)</b>
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(866.522.634)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	<b>26.499.105.654</b>	<b>74.802.144.255</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>5.299.821.131</b>	<b>14.960.428.851</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	3.484.483.375	4.786.565.541
Điều chỉnh trong kỳ	781.213.405	204.404.601
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(7.764.996.084)	(9.960.169.207)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>1.800.521.827</b>	<b>9.991.229.786</b>

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Lãi tiền gửi	21.300.193	12.296.955
Công ty Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu	Chi phí hoa hồng phân phối chứng chỉ quỹ	(12.877.761.914)	(36.895.999.565)
Ban Tổng Giám đốc		Chi phí lương	(2.822.490.699)	(3.696.098.270)

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Khoản phải thu/(phải trả)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Phát sinh tăng</i>	<i>Phát sinh giảm</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.062.045.819	481.732.256.591	(347.557.449.216)	138.236.853.194
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu	Phải trả phí hoa hồng phân phối Chứng chỉ Quỹ	(1.772.080.760)	(12.877.761.914)	11.336.118.507	(3.313.724.167)
		Tiền gửi tự doanh	3.549.661.704	451.854.076.709	(402.362.044.094)	53.041.694.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn do Công ty nắm giữ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không vì Công ty không nắm giữ danh mục chứng khoán vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty là thấp.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ của Công ty theo các nhóm kỳ đáo hạn như sau:

	Không kỳ hạn	Dưới 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Đơn vị tính: VND
<b>Tài sản</b>					<b>Tổng cộng</b>
Tiền	191.281.611.175	-	-	-	191.281.611.175
Chứng khoán kinh doanh (*)	742.118.797.642	-	-	-	742.118.797.642
Tài sản cố định	-	-	-	21.100.757	21.100.757
Tài sản khác	10.377.468.040	13.836.679.702	460.564.518	78.167.847	24.674.712.260
<b>Tổng tài sản</b>	<b>943.777.876.857</b>	<b>13.836.679.702</b>	<b>460.564.518</b>	<b>99.268.604</b>	<b>958.096.221.834</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Phải trả người bán	3.313.724.167	-	-	-	3.313.724.167
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.452.152.446	-	-	-	2.453.540.502
Phải trả người lao động	10.536.881.924	-	-	-	10.536.881.924
Chi phí phải trả ngắn hạn	226.041.273	-	-	-	226.041.273
Phải trả, phải nộp khác	46.278.851	-	-	-	46.278.851
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>16.575.078.661</b>	-	-	-	<b>16.575.078.661</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>927.202.798.196</b>	<b>13.836.679.702</b>	<b>445.564.518</b>	<b>99.268.604</b>	<b>941.584.311.020</b>

(\*) Không bao gồm các khoản dự phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.

**26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Bà Trần Thị Lan  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)